

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HC-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thương.

2. Ông Bùi Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38/2020/TLST-HC ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HC ngày 23/12/2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 349/2021/TB-THC ngày 21/9/2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Đội 5, thôn XR, xã ST, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Huỳnh Ngọc A – Văn phòng Luật sư Quốc Ấn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 943 QT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ST1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Ngọc T – Phó Chủ tịch UBND huyện ST1.

Địa chỉ: Xã SD, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Bùi Văn B - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ST1.
+ Ông Lữ Đình T - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện ST1.

+ Ông Võ Trọng A - Trưởng phòng Tư pháp huyện ST1.

Cùng địa chỉ: Xã SD, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã ST, huyện ST1.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã ST.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thê V – Phó Chủ tịch UBND xã ST.

Địa chỉ: Xã ST, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Đinh Tấn B (tên gọi khác: Đinh Văn B), sinh năm 1959.

Địa chỉ: Đội 6, thôn XR, xã ST, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn XPĐ, xã NK, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1987.

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1987.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1990.

+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1993.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông P, ông C, ông S, ông K: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Đội 5, thôn XR, xã ST, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, ngày 26/02/2020, ngày 08/5/2020, ngày 18/5/2020 của bà Phạm Thị V; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ngày 13/3/2001 ông Đinh Tấn B trú tại đội 5, thôn XR, xã ST, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi có chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn K (chồng bà Phạm Thị V) thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số phát hành L 7665 cấp ngày 20/12/1998 đứng tên ông Đinh Tấn B). Từ khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình bà V làm ruộng bậc thang,

trồng hoa màu, chuối, khóm, rau lang, chè. Đến năm 2003, UBND huyện ST1 đã thu hồi đất để sang ủi mặt bằng làm trụ sở UBND xã ST mà không có quyết định thu hồi đất và bồi thường mọi thiệt hại về tài sản bị thu hồi cho gia đình bà V. Ngày 25/5/2015, bà V có đơn gửi UBND xã ST để khiếu nại về việc UBND xã ST và UBND huyện ST1 thu hồi đất không ban hành quyết định, không đền bù cho gia đình. Bà đã ba lần gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan chức năng với nội dung yêu cầu UBND xã ST bồi thường lại số đất bị thu hồi, yêu cầu UBND huyện ST1 bồi thường mọi thiệt hại tài sản nhưng đều giải quyết không thành và cũng không có văn bản giải quyết giao cho bà. Do nhiều lần giải quyết không đạt hiệu quả nên bà V tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện ST1. Năm 2015 UBND huyện ST1 có mời bà V đến giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, sau đó bà V cũng không nhận được bất cứ quyết định nào từ UBND huyện ST1 cho mãi đến tháng 3 năm 2020 bà V mới được Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi giao trực tiếp Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015.

Về vị trí đất Chủ tịch UBND huyện ST1 cho rằng không thu hồi, còn nguyên hiện trạng không phải là thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 xã ST mà ông K nhận chuyển nhượng của ông Đinh Tấn B, đây là đất gia đình bà V khai hoang sử dụng từ trước đến nay, không ai tranh chấp.

Do quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà V nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Hủy Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V. Đề nghị UBND huyện ST1 ban hành thủ tục thu hồi thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 và bồi thường mọi thiệt hại cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 721/UBND ngày 08/7/2020, Văn bản số 31/UBND ngày 10/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện ST1; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện ST1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện ST1 trình bày:

Ngày 12/3/2015 bà Phạm Thị V có Đơn khiếu nại gửi UBND huyện ST1 nội dung yêu cầu UBND xã ST bồi thường số đất bị thu hồi để san ủi mặt bằng xây dựng Trung tâm Cụm xã ST, huyện ST1 tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 766531, ngày 20/12/1998; do ông Đinh Tấn B ở Đội 5, xã ST, huyện ST1 đứng tên (gọi tắt thửa đất số 80). UBND huyện ST1 có Công văn số 173/UBND ngày 16/3/2015 chuyển đơn khiếu nại của bà V đến UBND xã ST xem xét, giải quyết. Ngày 25/3/2015 UBND xã ST tổ chức đối thoại, làm việc với bà V nhưng kết quả giải quyết không thành và có Báo cáo về giải quyết vụ việc với UBND huyện. Đến ngày 25/5/2015, bà V tiếp tục có Đơn khiếu nại về việc chính quyền địa phương thu hồi đất không đền bù cho dân. Sau khi xem xét, nghiên cứu nội dung đơn thư, UBND huyện giao Thanh tra

huyện phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND xã ST kiểm tra, xác minh tham mưu giải quyết theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định pháp luật.

Thực trạng vị trí, diện tích đất và công tác thu hồi đất để đầu tư xây dựng Trung tâm Cụm xã ST:

Công trình Trung tâm Cụm xã ST được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đầu tư: San ủi mặt bằng; Tổng kinh phí dự án 932.020.352 đồng; diện tích mặt bằng san ủi là 20.586m², vị trí các điểm tọa độ trên thửa đất xác định như sau :

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| (1) 548226.54; 1650361.04; | (2) 548312.20; 1650400.65; |
| (3) 548365.00; 1650444.00; | (4) 548416.00; 1650500.00; |
| (5) 548421.00; 1650513.00 | (6) 548406.04; 1650531.63; |
| (7) 548206.51; 1650389.55. | |

Để triển khai thực hiện đầu tư, UBND huyện ST1, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng tổ chức thực hiện nhiệm vụ đền bù giải phóng mặt bằng Trung tâm Cụm xã ST. Căn cứ bảng phân tích mức đền bù cho từng hộ sử dụng đất bị thiệt hại tài sản cho Ban kiểm tra đền bù huyện kiểm tra xác lập ngày 17/3/2003 có 06 hộ dân và một tổ chức (UBND xã ST) bị ảnh hưởng thiệt hại về đất đai, hoa màu và tài sản; Tổng mức kinh phí đền bù đã chi trả cho các hộ bị thiệt hại là 125.842.360 đồng, trong đó hộ ông Nguyễn Văn K (chồng bà Phạm Thị V) nhận 354.192 đồng tiền đền bù từ Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện chi trả.

Như vậy, qua kiểm tra, xác minh về công tác đền bù giải phóng mặt bằng để san ủi Trung tâm Cụm xã ST tại thời điểm năm 2003, UBND huyện ST1 đã thành lập Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng và tổ chức thực hiện bồi thường cho từng hộ sử dụng đất bị thiệt hại tài sản. Trong suốt thời gian từ năm 2003 đến năm 2014 không có kiến nghị, khiếu nại nào liên quan về công trình San ủi mặt bằng Trung tâm Cụm xã ST.

Kết quả kiểm tra vị trí, hiện trạng diện tích thửa đất số 80:

Căn cứ Báo cáo số 58/BC-CNVP ngày 19/7/2015 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện ST1, thực địa kiểm tra vị trí, hiện trạng diện tích của thửa đất số 80; vị trí các điểm tọa độ trên thửa đất được xác định:

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| (1) 548062.08; 1650534.39; | (2) 548205.53; 1650531.71 |
| (3) 548142.89; 1650674.73. | |

Thửa đất này nằm cách Trung tâm Cụm xã ST về phía đỉnh đồi (theo hướng Tây – Bắc khoảng 100m còn nguyên trạng đang được trồng cây keo nguyên liệu, không liên kết (liền thửa) với thửa đất đã san ủi mặt bằng xây dựng Trung tâm Cụm xã ST.

Thăm tra, xác minh cơ sở pháp lý của Giấy chuyển nhượng đất:

Trong tài liệu đính kèm Đơn khiếu nại, đề kháng định là chủ sử dụng đối với thửa đất số 80, bà V đã trưng ra bằng chứng Giấy chuyển nhượng đất đề ngày 13/3/2001 (gọi tắt là giấy chuyển nhượng đất năm 2001).

Về hình thức văn bản, thực hiện viết tay trên khổ giấy tập học sinh;

Về nội dung văn bản ghi chép sơ sài, đơn điệu: ông Đinh Tấn B chuyển cho ông Nguyễn Văn K (chồng bà V) sử dụng canh tác dài hạn “có sổ đỏ kèm theo”, số tiền chuyển nhượng 1.250.000đồng.

Giá trị pháp lý văn bản, chỉ duy nhất bên chuyển nhượng ký tên để nhận tiền (ông Đinh Tấn B); chính quyền địa phương, UBND xã ST xác nhận ngày 13/3/2001 (ông Đinh Văn B - Chủ tịch UBND xã ký và đóng dấu).

Trên cơ sở thu thập các chứng cứ và qua kiểm tra, xác minh làm rõ nội dung, vấn đề liên quan Giấy chuyển nhượng đất năm 2001 nhận thấy:

Thứ nhất, Văn bản Giấy chuyển nhượng đất được thực hiện bằng hình thức viết tay trên khổ giấy tập học sinh; nội dung ghi chép đơn điệu, sơ sài, không phản ánh đầy đủ các dữ liệu cần thiết (diện tích, giới cận, CMND, chủ thể bán (A) chủ thể mua (B), chữ ký bên bán, mua...), không có giá trị pháp lý về hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thứ hai, trên cơ sở nội dung trình bày trong đơn yêu cầu giải quyết đất đai và các Biên bản làm việc của Thanh tra huyện với ông Đinh Tấn B đã khẳng định: Giấy chuyển nhượng đất ngày 13/3/2001 không phải là văn bản do chính bản thân ông (chấp bút viết) lập để làm chứng cứ chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn K, mà là một văn bản khác, được viết vào năm 1999. Nội dung có hàm chứa: “... K - V làm ăn một vụ mì cao sản, sau này thu hoạch xong thì trả lại đất đai chuyển nhượng cho 2 vợ chồng tôi (B - Đ)”; giá chuyển nhượng 200.000 đồng và 02 túi lòng heo, trái với “Giấy chuyển nhượng đất năm 2001” giá chuyển nhượng số tiền 1.255.000 đồng; giá trị pháp lý văn bản chuyển nhượng đất lập năm 1990 có đầy đủ chữ ký của vợ và chồng: Bên chuyển nhượng (Đinh Tấn B - Đinh Thị Đ); Bên nhận chuyển nhượng (Nguyễn Văn K - Phạm Thị V) không có xác nhận của chính quyền địa phương (UBND xã ST), trái ngược với giấy chuyển nhượng đất năm 2001 chỉ duy nhất chữ ký nhận tiền của người chuyển nhượng đất (Đinh Tấn B) và ký xác nhận của Chủ tịch UBND xã ST.

Thứ ba, về thẩm quyền ký, xác nhận trên Giấy chuyển nhượng đất năm 2001 của ông Đinh Văn Bôn - Chủ tịch UBND xã ST là có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Căn cứ Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 25/3/2015 của UBND xã ST; Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 03/01/2000 của Chủ tịch UBND huyện ST1 phê chuẩn kết quả bầu cử thành viên UBND xã ST nhiệm kỳ 1999-2004; Ông Đinh Văn B không có tên trong thành viên UBND xã, chức vụ Chủ tịch UBND xã ST trong nhiệm kỳ này là ông Đinh Văn V. Mặt khác, căn cứ nội dung Bản tự khai và Biên bản làm việc của Thanh tra huyện với ông Đinh Văn B, trong nhiệm kỳ 1995- 1999 ông Đinh

Văn B giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã ST giải trình việc ký xác nhận vào Giấy chuyển nhượng đất năm 2001 ở tại nhà trong trạng thái say rượu, do mẹ con bà V mang đến.

Qua việc thẩm tra, xác minh và phân tích tính pháp lý hiện hữu “Giấy chuyển nhượng đất ngày 13/3/2001”, nhận thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật; bà V lợi dụng bản chất chân thật trong quan hệ cuộc sống và sự nhận thức, hiểu biết luật pháp chưa đầy đủ của người dân tộc thiểu số để giả mạo giấy tờ, làm sai lệch nội dung văn bản nhằm mục đích: Chiếm đoạt tài sản công dân (thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m², GCNQSD đất số L766531 của ông Đinh Tấn B); Trục lợi, khiếu nại đòi bồi thường đất khi có cơ hội; gây rối trật tự xã hội.

Xem xét Đơn yêu cầu giải quyết đất đai của ông Đinh Tấn B:

Ông Đinh Tấn B có “Đơn yêu cầu giải quyết đất đai có chuyển nhượng (lần 2)” cho UBND xã ST và các cơ quan thẩm quyền. Các chứng cứ thu thập được qua thẩm tra, xác minh và phân tích ở trên là có cơ sở để các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét điều tra theo pháp luật để bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân.

Đối thoại giữa Thanh tra huyện với công dân Phạm Thị V về nội dung đơn khiếu nại đề ngày 25/5/2015: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu thu thập qua kiểm tra, xác minh theo Đơn thư khiếu nại đề ngày 25/5/2015, Thanh tra huyện đã trực tiếp đối thoại với bà V. Kết quả của buổi làm việc (đối thoại) bà V khẳng định việc khiếu nại của mình là đúng. Ngày 09/9/2015 Thanh Tra huyện tổ chức cuộc họp tại UBND xã ST để đối chất cơ sở pháp lý giấy chuyển nhượng viết tay và chứng minh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 diện tích 10.000m² còn nguyên hiện trạng không san ủi làm Trung tâm cụm xã ST, nhưng bà V không thống nhất rút đơn. Chủ tịch UBND huyện đã thụ lý, xác minh và đối thoại với người khiếu nại và ban hành Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 giải quyết bác nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị V.

Tại Điều 2 của Quyết định số 1521/QĐ-UBND nêu trên có giao nhiệm vụ cho Thanh tra huyện tổ chức công khai nội dung giải quyết khiếu nại và giao quyết định này cho bà Phạm Thị V trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Ngày 28/9/2015 Thanh tra huyện ST1 đã tổ chức công khai quyết định tại UBND xã ST và tiến hành giao Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 cho bà Phạm Thị V (bà V đã nhận được quyết định số 1521/QĐ-UBND); tuy nhiên trong quá trình giao quyết định không lập văn bản giao nhận. Từ ngày bà Phạm Thị V nhận được Quyết định số 1521/QĐ-UBND đến hết thời hạn khiếu nại, UBND huyện ST1 không nhận được văn bản nào thể hiện việc bà Phạm Thị V có đơn khiếu nại lần 2 đối với Quyết định số 1521/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Từ các tình tiết, diễn biến sự việc và đối chiếu với quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND huyện ST1 nhận thấy: Vụ việc khiếu nại của bà Phạm Thị V yêu cầu bồi thường về đất do thu hồi để san ủi mặt bằng Trung tâm cụm xã ST đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m², GCNQSD đất số L766531, ngày 20/12/1998 do ông Đinh Tấn B ở Đội 5, thôn XR, xã ST, huyện ST1 đứng tên là không có căn cứ. Lý do: thửa đất số 80 vẫn còn nguyên trạng, hiện đang trồng cây nguyên liệu (keo) có vị trí tọa độ tách biệt với thửa đất hiện hữu của Trung tâm cụm xã ST như phân tích tại nội dung đã nêu trên. Chủ tịch UBND huyện ST1 ban hành Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 giải quyết bác khiếu nại của bà Phạm Thị V là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của bà V hiện nay là không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện rút toàn bộ Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V.

Tại Văn bản số 153/UBND ngày 14/9/2021 của UBND xã ST và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của UBND xã ST trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 00, xã ST, diện tích 5.965m², mục đích sử dụng: Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của nhà nước, nguyên trước đây là đất đồi núi chưa sử dụng do UBND xã quản lý và phần còn lại là thu hồi đất của ông Đinh Tấn B (Đội 5, thôn XR, xã ST, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi) với diện tích 1.155m² để xây dựng công trình: San ủi mặt bằng Trung tâm Cụm xã ST; hạng mục nhà làm việc Ban quản lý cụm xã (theo Quyết định số 105/QĐ-CT ngày 26/5/2003 về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng công trình). Tại khu vực vị trí này Đảng ủy, UBND xã ST thống nhất quy hoạch địa điểm để xây dựng Trụ sở làm việc của xã.

Quá trình biến động: Năm 2000 khu vực này Đảng ủy, UBND xã ST thống nhất chọn làm địa điểm để quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc của xã. Năm 2003, UBND huyện tiến hành bồi thường GPMB để xây dựng công trình san lấp Trung tâm Cụm xã ST; hạng mục: Nhà làm việc Ban quản lý cụm xã và xây dựng cửa hàng thương mại Trung tâm Cụm xã ST. Năm 2005, tiến hành xây dựng trụ sở làm việc UBND xã ST tại thửa đất này. Đến tháng 4/2012 được UBND tỉnh (ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay.

Việc quản lý, sử dụng thửa đất số 08, tờ bản 00, thôn XR, xã ST từ trước đến nay:

Hiện tại thửa đất số 08, tờ bản 00, xã ST sử dụng xây dựng trụ sở làm việc UBND xã ST; trụ sở làm việc các đoàn thể - chính trị của xã (cải tạo từ cửa hàng thương mại Trung tâm cụm xã); nhà làm việc Công an xã và Trạm quản lý bảo vệ rừng và do UBND xã ST đang quản lý sử dụng đúng mục đích.

UBND xã ST có nhận Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 và vào sổ Công văn đến ngày 28/9/2015. UBND xã xác nhận Thanh tra huyện ST1 có tiến hành bàn giao Quyết định này cho bà Phạm Thị V; Tuy nhiên trong quá trình giao nhận quyết định có sự thiếu sót là không lập biên bản giao nhận quyết định này.

Hồ sơ địa chính thửa đất số 08, tờ bản đồ số 00, xã ST: UBND xã ST đã đến Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi để xin sao lục hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất số 08, tờ bản đồ số 00, xã ST. Qua sao lục hồ sơ, chỉ có trích lục bản đồ địa chính thửa đất phục vụ cho công tác kiểm kê quỹ đất của các tổ chức theo Chỉ thị 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ và các tài liệu khác có liên quan; riêng sổ địa chính, sổ mục kê, tờ bản đồ địa chính không có.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2020 và tại phiên tòa, ông Đinh Tấn B trình bày:

Ngày 10/7/1998 ông có đơn xin nhận đất lâm nghiệp gửi đến Chủ tịch UBND huyện ST1. Ngày 14/8/1998 UBND xã ST lập biên bản giao nhận đất lâm nghiệp trên thực địa cho ông tại Lô 61, Khoảnh 5, Tiểu khu 172 diện tích 10.000m². Ngày 30/12/1998 UBND huyện ST1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại thửa số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m². Tuy nhiên, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên ông là Đinh Văn Bất. Sau khi nhận đất, gia đình ông canh tác được một thời gian đến năm 2000 ông Nguyễn Văn K (chồng bà Phạm Thị V) đến gặp ông để xin mượn diện tích đất trên để trồng mì, ông đồng ý cho ông K mượn đất để trồng 01 mùa mì, sau khi thu hoạch mì xong ông K phải trả lại đất cho ông. Khi cho mượn đất, ông K đưa cho ông 200.000 đồng và 02kg lòng heo, ông K có viết giấy mượn đất, ông và vợ Đinh Thị Đ có ký vào giấy này (hiện nay giấy này bà Phạm Thị V đang giữ).

Sau khi ông K thu hoạch mì xong thì không trả lại đất cho ông như đã thỏa thuận mà chiếm dụng trồng keo, ông có đến gặp gia đình ông K để đòi lại đất nhưng ông K không trả và hứa thu hoạch keo xong sẽ trả đất, sau đó ông K chết nên không trả đất. Ông đã làm đơn gửi đến UBND xã ST để khiếu nại vào khoảng năm 2015 nhưng chưa được giải quyết. Đối với Giấy chuyển nhượng đất ngày 13/3/2001 mà bà V nộp cho Tòa án là giấy giả mạo chữ ký của ông, từ trước đến nay ông không chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn K.

Về hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 xã ST hiện nay bà V đang chiếm dụng của gia đình ông để trồng keo tách biệt với vị trí mặt bằng Trung tâm Cụm xã ST. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V.

Ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V. Tuyên hủy Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện rút toàn bộ Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1, nhưng người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 22/9/2015 Chủ tịch UBND huyện ST1 ban hành Quyết định số 1521/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V.

Ngày 02/12/2019, ngày 27/02/2020, ngày 08/5/2020 và ngày 18/5/2020, bà Phạm Thị V có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 đồng thời đề nghị UBND huyện ST1 ban hành thủ tục thu hồi thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 xã ST theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 766531 cấp cho ông Đinh Tấn B năm 1998 và đền bù thiệt hại về đất, tài sản trên đất cho gia đình bà Phạm Thị V theo quy định của pháp luật.

Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai nên yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Phạm Thị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính và người khởi kiện có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/9/2015 Chủ tịch UBND huyện ST1 ban hành Quyết định số 1521/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V. Chủ tịch UBND huyện ST1 và UBND xã ST xác định ngày 28/9/2015 Thanh tra huyện ST1 đã tổ chức công khai quyết định này tại trụ sở UBND xã ST và tiến hành bàn giao quyết định cho bà Phạm Thị V nhưng không lập biên bản giao nhận. Bà Phạm Thị V trình bày đến tháng 3/2020 bà mới nhận được quyết

định này do Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi giao. Do người bị kiện không có chứng cứ chứng minh đã giao Quyết định số 1521/QĐ-UBND cho bà V vào ngày 28/9/2015 nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định vào tháng 3/2020 bà V mới nhận được Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1. Sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đến ngày 18/5/2020 bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định này là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1:

[2.1.1] Tại phiên tòa người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã ST đều thừa nhận: Từ khi xây dựng Trung tâm Cụm xã ST (năm 2003) mãi đến ngày 12/3/2015 và ngày 25/5/2015 bà Phạm Thị V mới có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường đất đai, tài sản có trên thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 xã ST, diện tích 10.000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 766531; sổ vào sổ 99 QSDĐ cấp cho ông Đinh Văn Bất ngày 20/12/1998.

Ngày 25/5/2015 bà Phạm Thị V có đơn khiếu nại về việc chính quyền địa phương thu hồi đất không đền bù cho dân liên quan đến việc UBND huyện ST1 thu hồi đất để san ủi mặt bằng xây dựng Trung tâm Cụm xã ST gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Ủy ban kiểm tra Đảng tỉnh Quảng Ngãi và một số Báo ở địa phương và Trung ương.

Ngày 02/6/2015 Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Ngãi có Phiếu chuyển số 894-PC/BNCTU chuyển đơn của bà Phạm Thị V cho Chủ tịch UBND huyện ST1 xem xét, giải quyết.

Ngày 15/6/2015 Chủ tịch UBND huyện ST1 ban hành Văn bản số 483/UBND về việc giao nhiệm vụ cho Thanh tra huyện ST1 thụ lý đơn khiếu nại ngày 25/5/2015 của bà Phạm Thị V; tham mưu UBND huyện xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật. Hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo UBND huyện trước ngày 30/6/2015.

Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011 và Điều 5 Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính về thụ lý giải quyết khiếu nại như sau: *“Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật này, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại; cơ quan; tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do”*.

Tuy nhiên, sau khi nhận đơn khiếu nại ngày 25/5/2015 của bà Phạm Thị V, Chủ tịch UBND huyện ST1 không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại theo các quy định trên mà Thanh tra huyện ST1 tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 15/7/2015 Thanh tra huyện ST1 có Báo cáo số 58/BC-TTrH về việc tham mưu thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị V gửi Chủ tịch UBND huyện ST1. Tại Báo cáo này, Thanh tra huyện ST1 kiến nghị: “...*Chuyển đơn Khiếu nại của bà Phạm Thị V và hồ sơ có liên quan đến Cơ quan điều tra Công an huyện ST1 để điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật...*”.

Ngày 17/9/2015, Chủ tịch UBND huyện ST1 ban hành Báo cáo số 243/BC-UBND về việc báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, xử lý đơn khiếu nại của bà Phạm Thị V gửi UBND tỉnh, các ban, ngành của tỉnh Quảng Ngãi biết để theo dõi, chỉ đạo. Tại phần kết luận và kiến nghị của Báo cáo này ghi: “... *UBND huyện sẽ thông báo cho đương sự biết và đình chỉ việc thụ lý giải quyết Đơn khiếu nại...*”.

Thanh tra huyện chuyển hồ sơ thụ lý vụ việc cho Công an huyện để điều tra theo pháp luật. Bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân...”.

Sau khi thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Phạm Thị V, Thanh tra huyện và Chủ tịch UBND huyện ST1 không tiến hành đối thoại mà kết luận, kiến nghị là chuyển hồ sơ thụ lý vụ việc cho Công an huyện ST1 điều tra theo pháp luật. Nhưng đến ngày 22/9/2015 Chủ tịch UBND huyện ST1 lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1521/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà Phạm Thị V yêu cầu chính quyền địa phương thu hồi đất không đền bù cho dân, vì yêu cầu đó không có cơ sở pháp lý nên UBND huyện không thụ lý giải quyết là không đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được quy định tại Luật khiếu nại năm 2011 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính về thụ lý giải quyết khiếu nại.

Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc hủy Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện ST1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chủ tịch UBND huyện ST1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

[7] Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Tấn B cho rằng giấy chuyển nhượng đất ngày 13/3/2001 bà Phạm Thị V nộp cho Tòa án là giấy giả mạo chữ ký của ông. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 247/KLGĐ-PC09 ngày 17/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: “Chữ ký và chữ viết ghi tên “Đinh Tấn B” phía dưới mục nhận đủ số tiền trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với các chữ ký, chữ viết đề tên Đinh Tấn B trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M4) ***là do cùng một người ký, viết ra***”. Bà Phạm Thị V đã nộp số tiền chi phí giám định là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng). Do đó, theo quy định tại Điều 362 Luật tố tụng hành chính thì ông Đinh Tấn B phải hoàn trả lại cho bà V số tiền chi phí giám định là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng).

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị V đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm ngàn đồng) (đã chi phí xong). Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại Điều 358 Luật tố tụng hành chính thì Chủ tịch UBND huyện ST1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V số tiền 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 358; Điều 359; Điều 362; Điều 363 Luật tố tụng hành chính; Điều 27; Điều 30; Điều 32 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 5; Điều 21; Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V. Tuyên hủy Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ST1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị V, địa chỉ thôn XR, xã ST, huyện ST1, tỉnh Quảng Ngãi; Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ST1 phải ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy.

2. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ST1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về chi phí giám định: Ông Đinh Tấn B phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V số tiền chi phí giám định là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ST1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng

